TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA KAR
TỈNH ĐẮK LẮK
Bản án số: 35/2021/HSST
Ngày 24/8/2021

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA KAR, TỈNH ĐẮK LẮK

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Xuân Chiến

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Y Nik ÊBan.

2. Ông Phan Xuân Thắng.

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: bà Hồ Thị Thu Ba – Thư ký Toà án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar tham gia phiên tòa: bà Giản Thị Chung– Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 27/2021/HSST ngày 18/6/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2021/HSST- QĐ ngày 03/8/2021 đối với bị cáo:

Nông Văn N- sinh năm 1989, tại: huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Nơi cư trú: thôn 15, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Nghề nghiệp: Làm nông. Trình độ học vấn: lớp 5/12. Dân tộc: Tày. Tôn giáo: không. Con ông Nông Văn T (đã chết) và con bà Lý Thị T, sinh năm 1954. Vợ là Nông Thị C, sinh năm 1986 và có 02 con (con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2010). Tiền án, tiền sự: không. Nhân thân: chưa có án tích và chưa bị xử phạt hành chính. Bị cáo được tại ngoại theo lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú- Có mặt.

- ***Nguyên đơn dân sự:*** Công ty TNHH Một thành viên Lâm nghiệp E. Địa chỉ: tổ dân phố 4, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Phi T, chức vụ: Phó giám đốc phụ trách. Nơi cư trú: buôn S, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk: vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Nông Thị C, sinh năm 1986. Nơi cư trú: thôn 15, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk: có mặt.

- Người làm chứng: ông Hoàng Văn C, sinh năm 1964. Nơi cư trú: thôn 15, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk: có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ

án được tóm tắt như sau:

Do chuẩn bị làm nhà nên Nông Văn N nảy sinh ý định vào khu vực rừng do Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp E (gọi tắt là Công ty Lâm nghiệp E) quản lý để khai thác gỗ nên N đã mua 01 cưa lốc xăng và 01 dao rựa. Sáng ngày 06/02/2021, N điều khiển xe mô tô biển kiểm soát số 47P1-8336 mang theo cưa lốc và dao rựa vào rừng thuộc tiểu khu 670,676 thuộc địa phận xã P, huyện K do Công ty Lâm nghiệp E quản lý. Tại đây, N sử dụng cưa lốc cắt hạ 11 cây gỗ và cắt thêm 01 cây gỗ do cây gỗ này bị cây gỗ N cắt hạ đè lên, N dùng cưa lốc cắt theo quy cách mỗi lóng dài từ 1,5m đến 4,5m và cắt được 04 lóng thì trời tối nên N nghỉ đi về nhà. Trên đường về N ghé qua nhà Hoàng Văn C (chú họ của N) nhờ C lên rừng giúp N căng dây, bật mực, lật gỗ để N xẻ thành các thanh gỗ hộp thì C đồng ý.

Khoảng 8 giờ ngày 07/02/2021, N điều khiển xe mô tô chở C cùng các dụng cụ vào địa điểm N khai thác gỗ trước đó. Đến nơi, C giúp N căng dây, bật mực 01 lóng gỗ, sau đó N dùng cưa xẻ thành 13 thanh gỗ hộp có kích thước 4,5m x 12cm x 06cm, C giúp N lật các thanh gỗ này sang một bên, đến 17 giờ cùng ngày do trời tối nên cả hai về nhà. Khoảng 8 giờ ngày 08/02/2021, N và C tiếp tục đến khu vực khai thác gỗ và C cùng N căng dây bật mực lóng gỗ có chiều dài 4,5m, khi N đang xẻ lóng gỗ đã bật mực này thành các thanh gỗ hộp thì bị cán bộ của Công ty Lâm nghiệp E phát hiện bắt giữ đưa về trụ sở xã P làm việc, còn C chạy thoát khỏi hiện trường.

Tang vật thu giữ: Tổng khối lượng gỗ quy tròn là 15,167m^2 (kèm theo bảng kê khai lâm sản) theo như biên bản thu gom vật chứng vụ án (BL 48); 01(một) cưa lốc nhãn hiệu STILL màu cam đã qua sử dụng; 01 (một) con dao rựa cán gỗ, đầu dao quắm dài 40cm, dày 0,5cm; 01 (một) can nhựa màu vàng; 01 xe mô tô nhãn hiệu Taurus, màu sơn đỏ, biển kiểm soát số 47P1-8336; Quá trình truy tố, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar đã trả lại cho bà Nông Thị C chiếc xe mô tô nói trên là chủ sở hữu hợp pháp; số tiền 2.000.000^đ (hai triệu đồng) do bà Nông Thị C giao nộp là ½ giá trị chiếc xe mô tô biển kiểm soát số 47P1-8336.

Tại bản Kết luận giám định ngày 05/3/2021 của các thành viên giám định tập thể, kết luận: Về vị trí khai thác: thuộc lô 2, lô 3 khoảnh 1 tiểu khu 676 và lô 6 khoảnh 5 tiểu khu 670 là rừng tự nhiên chức năng sản xuất.

- Về khối lượng, chủng loại gỗ bị khai thác trái phép còn lại tại hiện trường: gồm 12 gốc cây, tổng khối lượng gỗ tròn và gỗ xẻ hộp được xẻ ra từ 12 cây là 14,920m^3, bao gồm: Gỗ tròn: 22 lóng gỗ, khối lượng: 14,509m^3; Gỗ xẻ hộp: 13 hộp gỗ, khối lượng: 0,411m3, quy ra gỗ tròn: 0,658m^3.

Tổng khối lượng gỗ tròn và gỗ xẻ hộp đã quy tròn là: 15,167m^3.

- Chủng loại gồm: Gỗ Sến, nhóm II, số lượng: 06 lóng gỗ tròn, khối lượng: 3,107m^3; Gỗ Chò, nhóm III, số lượng: 05 lóng gỗ tròn, khối lượng: 8,945m^3; Gỗ Bình Linh, nhóm III, số lượng: 01 lóng gỗ tròn, khối lượng: 0,157m^3; Gỗ Dẻ, nhóm V, số lượng: 21 lóng gỗ tròn và gỗ xẻ hộp, có tổng khối lượng quy tròn là 2,349m^3 (gồm 08 lóng gỗ tròn, khối lượng 1,691m^3; 13 hộp gỗ xẻ, khối lượng 0,411m^3, quy ra gỗ tròn 0,658m^3); Gỗ Trâm, nhóm V, số lượng: 01 lóng gỗ tròn, khối lượng: 0,452m^3; Gỗ Côm, nhóm VII, số lượng: 01 lóng gỗ tròn, khối lượng: 0,157m^3.

- Về loại rừng: vị trí các cây gỗ bị khai thác là rừng tự nhiên chức năng sản xuất.

- Xác định giá trị thiệt hại về kinh tế, giá trị thiệt hại về môi trường do hành vi khai thác gỗ gây ra: Giám định viên từ chối giám định nội dung trên.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 19/KL-HĐ 992 ngày 19/4/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện K kết luận: Gỗ Sến, nhóm II, khối lượng: 3,107m^3, có giá trị: 11.495.900^đ; Gỗ Chò, nhóm III, khối lượng: 8,945m^3, có giá trị: 36.674.500^đ; Gỗ Bình Linh, nhóm III, khối lượng: 0,157m^3, có giá trị: 266.900^đ; Gỗ Dẻ, nhóm V, khối lượng: 2,349m^3, có giá trị: 2.959.740^đ; Gỗ Trâm, nhóm V, khối lượng: 0,452m^3, có giá trị: 569.520^đ; Gỗ Côm, nhóm VII, khối lượng: 0,157m^3, có giá trị: 157.000^đ. Tổng khối lượng: 15,167 m^3, có giá trị: 52.123.560^đ (năm mươi hai triệu một trăm hai mươi ba nghìn năm trăm sáu mươi đồng).

Tại bản kết luận định giá tài sản số 21/KL-HĐ 992 ngày 18/5/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện K kết luận: 01 xe mô tô hiệu Taurus, màu đỏ, biển kiểm soát 47P1-8336, có giá trị là 4.000.000^đ (bốn triệu đồng).

Tại phiên tòa, bị cáo Nông Văn N thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố, bị cáo xác định mục đích khai thác gỗ trái phép để về làm nhà do điều kiện hoàn cảnh gia đình khó khăn. Ngày 06/02/2021, bị cáo cắt hạ 12 cây gỗ, sau đó mới nhờ Hoàng Văn C lên rừng bật mực để bị cáo xẻ gỗ, C giúp bị cáo bật mực, xẻ được 01 lóng gỗ, đến lóng thứ hai thì bị phát hiện. Bị cáo đồng ý yêu cầu bồi thường của đại diện nguyên đơn dân sự Công ty Lâm nghiệp E với số tiền bồi thường là 52.123.560^đ (năm mươi hai triệu một trăm hai mươi ba nghìn năm trăm sáu mươi đồng).

Quá trình điều tra, người đại diện hợp pháp nguyên đơn dân sự Công ty Lâm nghiệp E trình bày: 12 cây gỗ mà bị cáo Nông Văn N khai thác tại lô 2, lô 3 khoảnh 1 tiểu khu 676 và lô 6 khoảnh 5 tiểu khu 670 thuộc rừng tự nhiên chức năng sản xuất do Công ty được giao quản lý, có khối lượng gỗ quy tròn là 15,167m^3 (thuộc gỗ từ nhóm II đến nhóm VII), giá trị theo kết quả định giá là 52.123.560^đ (năm mươi hai triệu một trăm hai mươi ba nghìn năm trăm sáu mươi đồng). Vì vậy, yêu cầu bị cáo Nông Văn N phải bồi thường số tiền 52.123.560^đ (năm mươi hai triệu một trăm hai mươi ba nghìn năm trăm sáu mươi đồng).

Tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nông Thị C trình bày: chiếc xe mô tô nhãn hiệu Taurus, màu sơn đỏ, biển kiểm soát số 47P1-8336 là tài sản chung của tôi và bị cáo Nông Văn N. Việc bị cáo N dùng làm phương tiện để khai thác gỗ trái phép, tôi hoàn toàn không biết do thời điểm này tôi phải đi làm rẫy ở huyện N, tỉnh Đắk Nông. Quá trình truy tố, tôi đã tự nguyện nộp thay bị cáo N ½ giá trị chiếc xe mô tô là 2.000.000^đ (hai triệu đồng) và được Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar trả xe mô tô lại cho tôi sở hữu.

Tại phiên tòa, người làm chứng Hoàng Văn C khai nhận: Ngày 07/02 và 08/02/2021, tôi có giúp bị cáo căng dây, bật mực 02 lóng gỗ mà bị cáo đã khai thác trước đó. Lóng thứ nhất bị cáo cưa xẻ được 13 hộp gỗ, lóng thứ hai bị cáo xẻ được 4

đường cưa thì bị phát hiện. Hành vi của tôi đã bị Công an huyện Ea Kar quyết định xử phạt hành chính với số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng).

Tại bản cáo trạng số 31/CT-VKS ngày 17/6/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar đã truy tố bị cáo Nông Văn N, về tội "Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản" theo điểm b khoản 1 Điều 232 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nông Văn N, phạm tội "Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản ".

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 232, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Nông Văn N: từ 12 (mười hai) đến 15 (mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 24 (hai mươi bốn) tháng đến 30 (ba mươi) tháng.

Về xử lý vật chứng: áp dụng điểm a,c khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên tịch thu sung công quỹ nhà nước: tổng khối lượng gỗ là 15,167m^3 như biên bản thu gom vật chứng vụ án ngày 11/5/2021 (BL 48); 01 (một) cưa lốc xăng nhãn hiệu STILL màu cam đã qua sử dụng; 01 (một) con dao rựa cán gỗ, đầu dao quắm, dài 40cm, dày 0,5cm đã qua sử dụng và số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng) là giá trị ½ chiếc xe mô tô biển kiểm soát 47P1-8336 mà bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội.

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) can nhựa màu vàng, đây là công cụ bị cáo N dùng phạm tội, không còn giá trị sử dụng.

- Chấp nhận việc Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar đã giao trả cho bà Nông Thị C 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Taurus, màu sơn đỏ, biển kiểm soát số 47P1-8336.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự, các Điều 584, 585, 587, 588, 589 Bộ luật Dân sự đề nghị Hội đồng xét xử: chấp nhận việc thỏa thuận: bị cáo Nông Văn N phải bồi thường cho Công ty TNHH Một thành viên Lâm nghiệp E số tiền 52.123.560đ (năm mươi hai triệu một trăm hai mươi ba nghìn năm trăm sáu mươi đồng).

Bị cáo Nông Văn N đồng ý với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar, không tranh luận gì.

Tại phần lời nói sau cùng bị cáo Nông Văn N tỏ thái độ ăn năn và yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Ea Kar, Điều tra

viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không ai có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai của bị cáo phù hợp với biên bản kiểm tra về việc khai thác lâm sản trái phép của Công ty Lâm nghiệp E, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, Biên bản xác định hiện trường, phù hợp với bản kết luận giám định của các thành viên giám định tập thể, phù hợp với lời khai của nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ căn cứ để kết luận: Trong thời gian từ ngày 06/02/2021 đến ngày 08/02/2021, bị cáo Nông Văn N dùng cưa máy cắt hạ 12 cây gỗ thuộc loại gỗ từ nhóm II đến nhóm VII và dùng cưa máy cắt thành lóng, xẻ hộp với tổng khối lượng gỗ quy tròn là 15,167m^3 thuộc lô 2, lô 3 khoảnh 1 tiểu khu 676 và lô 6 khoảnh 5 tiểu khu 670 là rừng tự nhiên chức năng sản xuất do Công ty Lâm nghiệp E quản lý, gây thiệt hại là 52.123.560^đ (năm mươi hai triệu một trăm hai mươi ba nghìn năm trăm sáu mươi đồng).

Hành vi của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến các chế độ quy định về khai thác và bảo vệ rừng, xâm phạm đến môi trường, tài sản của Nhà nước, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội bởi lỗi cố ý trực tiếp. Vì vậy, quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar đối với bị cáo Nông Văn N, về tội "Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản " theo điểm b khoản 1 Điều 232 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Khoản 1 Điều 232 Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây, nếu không thuộc trường hợp quy định Điều 243 của Bộ luật này, thì bị phạt tiền từ 50.000.000^đ đến 300.000.000^đ, phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

b) Khai thác trái phép rừng sản xuất là rừng tự nhiên từ 10 mét khối (m3) đến dưới 20 mét khối (m3) gỗ loài thực vật thông thường hoặc từ 07 mét khối (m3) đến dưới 15 mét khối (m3) gỗ thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIA;

Xét mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị, Hội đồng xét xử nhận thấy: bị cáo là công dân có đủ nhận thức và biết rõ việc khai thác gỗ thuộc rừng tự nhiên, chức năng sản xuất do Công ty Lâm nghiệp E quản lý mà không được phép của cơ quan có thẩm quyền là trái phép, xâm phạm đến các chế độ quy định về khai thác và bảo vệ rừng. Đây là khách thể được pháp luật đặc biệt quan tâm, bảo vệ, mọi hành vi xâm hại đều phải bị trừng trị. Việc bị cáo cưa cắt hạ 12 cây gỗ không những xâm phạm đến tài nguyên của Nhà nước mà còn ảnh hưởng đến môi trường sống của con người. Đồng thời, còn làm mất trật tự an ninh trên địa bàn nên Hội đồng xét xử áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm

tội của bị cáo gây ra nhằm tác dụng giáo dục, cải tạo riêng và răn đe phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* bị cáo Nông Văn N chưa có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo là người dân tộc Tày là dân tộc thiểu số, có trình độ văn hóa thấp nên khả năng nhận thức có phần hạn chế, bị cáo có điều kiện hoàn cảnh khó khăn thuộc hộ nghèo theo quy định của Chính Phủ, phải nuôi mẹ già. Đây là những tình tiết giảm nhẹ một phần hình phạt được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, cần xem xét khi lượng hình nhằm thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội.

Xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, nhất thời phạm tội có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, mục đích bị cáo khai thác gỗ trái phép là để về làm nhà do điều kiện gia đình thuộc hộ nghèo, không phải vì mục đích thương mại. Ngoài lần phạm tội này bị cáo chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước, quy định địa phương. Do đó, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát yêu cầu áp dụng biện pháp miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện đối với bị cáo là có căn cứ, cũng đảm bảo tính giáo dục riêng và răn đe phòng ngừa chung cho xã hội nên cần chấp nhận.

[4] Xử lý vật chứng: áp dụng điểm a,c khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

- Tuyên tịch thu sung công quỹ nhà nước: tổng khối lượng gỗ là 15,167m^3 (gồm 13 hộp gỗ xẻ và 44 lóng gỗ tròn do quá trình vận chuyển một số lóng gỗ kích thước dài nên cắt ngắn theo biên bản thu gom vật chứng ngày 11/5/2021-BL 48); 01 (một) cưa lốc xăng nhãn hiệu STILL màu cam đã qua sử dụng và 01 (một) con dao rựa cán gỗ, đầu dao quắm, dài 40cm, dày 0,5cm đã qua sử dụng.

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) can nhựa màu vàng, đây là công cụ bị cáo N dùng phạm tội, không còn giá trị sử dụng.

- Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Taurus, màu sơn đỏ biển kiểm soát 47P1-8336 là phương tiện bị cáo dùng phạm tội. Quá trình điều tra, xác định chiếc xe mô tô này là tài sản chung của bị cáo và bà Nông Thị C. Việc bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội bà Nông Thị C không biết nên không có lỗi, hơn nữa đây là vật đặc định không thể chia. Quá trình truy tố, bà C đã tự nguyện nộp thay cho bị cáo giá trị ½ chiếc xe mô tô là 2.000.000^đ nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar đã giao trả chiếc xe mô tô cho bà Nông Thị C sở hữu. Xét việc xử lý vật chứng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar là có căn cứ phù hợp với khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự, cần chấp nhận. Đồng thời, tuyên tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 2.000.000^đ (hai triệu đồng) phần thuộc sở hữu của bị cáo N do bà C nộp thay cho bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Đối với thiệt hại về lâm sản 12 cây gỗ theo kết quả định giá là 52.123.560^đ (năm mươi hai triệu một trăm hai mươi ba nghìn năm trăm

sáu mươi đồng). Tại phiên tòa, bị cáo N đồng ý yêu cầu bồi thường toàn bộ số tiền trên theo yêu cầu của Công ty Lâm nghiệp E là phù hợp với khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự, các Điều 584, 585, 587, 588, 589 Bộ luật Dân sự, cần chấp nhận.

[6] Về án phí: bị cáo N thuộc hộ nghèo, là người dân tộc thiểu số sống trong vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn. Do đó, xét đề nghị của bị cáo miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm là có căn cứ, phù hợp với điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: bị cáo Nông Văn N, phạm tội: "Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản ".

- Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 232; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự.

[1] Xử phạt: Nông Văn N: 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nông Văn N cho Uỷ ban nhân dân xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo Nông Văn N thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[2] Về xử lý vật chứng: áp dụng điểm a,c khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

- Tịch thu sung công quỹ Nhà Nước tổng khối lượng gỗ là 15,167m^3; 01 (một) cưa lốc xăng nhãn hiệu STILL màu cam đã qua sử dụng và 01 (một) con dao rựa cán gỗ, đầu dao quắm, dài 40cm, dày 0,5cm đã qua sử dụng.

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) can nhựa màu vàng là công cụ bị cáo N dùng phạm tội, không còn giá trị sử dụng.

Đều có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 24/6/2021 giữa Công an huyện Ea Kar và Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà Nước số tiền 2.000.000^đ (hai triệu đồng) theo Biên lai thu tiền số 0002855 ngày 24/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

- Chấp nhận việc Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar đã giao trả cho bà Nông Thị C 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Taurus, màu sơn đỏ, biển kiểm soát số 47P1-8336.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự, các Điều 584, 585, 587, 588, 589 Bộ luật Dân sự;

Chấp nhận việc thỏa thuận: bị cáo Nông Văn N phải bồi thường cho Công ty TNHH Một thành viên Lâm nghiệp K số tiền 52.123.560^{đ} (năm mươi hai triệu một trăm hai mươi ba nghìn năm trăm sáu mươi đồng).

Áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự để tính lãi suất đối với số tiền chậm trả, kể từ khi có đơn yêu cầu của người được thi hành án.

Căn cứ Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các bên có quyền thoả thuận việc thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án là 5 năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật;

[4] Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo Nông Văn N.

[5] Quyền kháng cáo: bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn dân sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết nơi đương sự cư trú.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Phạm Xuân Chiến

Nơi nhận
-TAND tỉnh Đắk Lắk.
-Vụ giám đốc kiểm tra 1-TAND Tối cao.
-Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk.
-VKSND huyện Ea Kar.
-Chi cục THADS huyện K.
-Công an huyện Ea Kar.
-Cơ quan THAHS huyện Ea Kar.
-Bị cáo-đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.